

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
BỆNH VIỆN THAN – KHOÁNG SẢN

HỒ SƠ MỜI CUNG CẤP

**Tên Gói cung cấp: Cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV
và suất ăn khách, Hội nghị tại Bệnh viện Than – Khoáng sản năm 2025**

Tháng 4 năm 2025



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
BỆNH VIỆN THAN – KHOÁNG SẢN

HỒ SƠ MỜI CUNG CẤP

Tên Gói cung cấp	:	Cung cấp dịch vụ suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị tại Bệnh viện Than – Khoáng sản năm 2025.
Phương án	:	Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị tại Bệnh viện Than – Khoáng sản năm 2025.
Phát hành ngày	:	Ngày 04 tháng 4 năm 2025
Ban hành kèm theo Quyết định	:	Số 465 /QĐ-BV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bệnh viện Than - Khoáng sản.

Bên mời Nhà cung cấp

Q. Giám đốc



Lê Quang Chung

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSMCC	Hồ sơ mời cung cấp
HSĐXCC	Hồ sơ đề xuất cung cấp
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 22/2023/QH15
VND	Đồng Việt Nam

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐXCC

Chương III. Biểu mẫu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. Yêu cầu của gói cung cấp

Phần 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Chương V. Biểu mẫu hợp đồng

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Than – Khoáng sản.
2. Tên bên mời nhà cung cấp: Bệnh viện Than – Khoáng sản.
3. Bên mời nhà cung cấp mời Nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị tại Bệnh viện Than – Khoáng sản năm 2025.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:

1. Nhà cung cấp có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
4. Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn giá trị do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu 2023;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Đấu thầu 2023;
7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu; các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.
2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện Gói cung cấp trên cơ sở yêu cầu của HSMCC, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDXCC của nhà cung cấp sẽ bị loại.
3. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, Nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDXCC hoặc nộp riêng song phải bảo

đảm Bên mời Nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời Nhà cung cấp bảo quản như một phần của HSDXCC và được mở đồng thời cùng HSDXCC của Nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDXCC và không được ghi vào biên bản mở HSDXCC thì không có giá trị.

Mục 4. Thành phần của HSDXCC

HSDXCC do Nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
3. Thỏa thuận liên danh nếu là Nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 06 Chương III – Biểu mẫu;
4. Bảo đảm tham dự gói cung cấp theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;
5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của Nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDXCC

1. Thời gian có hiệu lực của HSDXCC là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDXCC nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDXCC, Bên mời Nhà cung cấp có thể đề nghị các Nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDXCC đồng thời yêu cầu Nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu Nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì HSDXCC của Nhà cung cấp này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này, Nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDXCC.

Mục 6. Bảo đảm tham dự gói cung cấp

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp Bảo đảm tham dự gói cung cấp trước thời điểm đóng thầu theo một trong các hình thức: Đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho Nhà cung cấp độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho Nhà cung cấp liên danh theo quy định tại HSMCC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự gói cung cấp.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp.

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm tham dự gói cung cấp: Bảo đảm tham dự gói cung cấp bằng tiền Việt Nam Đồng với số tiền là **60.291.000 đồng** (Sáu mươi triệu, hai trăm chín mươi một nghìn đồng chẵn.)

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp: **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm tham dự gói cung cấp được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định

tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời Nhà cung cấp (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời Nhà cung cấp.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa Bảo đảm tham dự gói cung cấp thực hiện theo quy định nêu tại khoản 9, 10 Điều 14 Luật đấu thầu.

Mục 7. Hành vi bị cấm trong lựa chọn Nhà cung cấp

Hành vi bị cấm trong lựa chọn Nhà cung cấp là hành vi quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu.

Mục 8. Làm rõ, sửa đổi HSMCC

1. Làm rõ HSMCC

Trong trường hợp cần làm rõ HSMCC, Nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời Nhà cung cấp không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSMCC của Nhà cung cấp, Bên mời Nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các Nhà cung cấp khác đã mua hoặc nhận HSMCC từ Bên mời Nhà cung cấp, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMCC thì Bên mời Nhà cung cấp tiến hành sửa đổi HSMCC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSMCC

Trường hợp sửa đổi HSMCC, Bên mời Nhà cung cấp sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các Nhà cung cấp đã nhận HSMCC không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ.

Nhằm giúp Nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSDXCC, Bên mời Nhà cung cấp có thể gia hạn thời điểm đóng hồ sơ quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp bằng việc sửa đổi HSMCC.

Mục 9. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự Gói cung cấp.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDXCC cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDXCC được trao đổi giữa Bên mời Nhà cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng Tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDXCC có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời Nhà cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 10. Quy cách HSDXCC

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc HSDXCC ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CUNG CẤP”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDXCC thì Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc HSDXCC. Trên trang bìa của hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CUNG CẤP SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CUNG CẤP THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDXCC, HSDXCC sửa đổi, HSDXCC thay thế của Nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên Gói cung cấp, phần Gói cung cấp, tên Nhà cung cấp, tên Bên mời Nhà cung cấp. Bên mời Nhà cung cấp có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDXCC của Nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của HSDXCC nêu tại Mục 4 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDXCC

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi HSDXCC theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời Nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo Bên mời Nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ là: 14 giờ 00 ngày 15 tháng 4 năm 2025.

2. Bên mời Nhà cung cấp sẽ tiếp nhận HSDXCC của tất cả Nhà cung cấp nộp HSDXCC trước thời điểm đóng hồ sơ, kể cả trường hợp Nhà cung cấp chưa mua hoặc chưa nhận HSMCC trực tiếp từ Bên mời Nhà cung cấp. Trường hợp Nhà cung cấp nộp HSDXCC sau thời điểm đóng hồ sơ thì HSDXCC bị loại và được trả lại nguyên trạng cho Nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, Nhà cung cấp có thể rút lại HSDXCC bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp đến Bên mời Nhà cung cấp trước thời điểm đóng hồ sơ.

Trước thời điểm đóng hồ sơ, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDXCC thì Nhà cung cấp nộp HSDXCC thay thế hoặc HSDXCC sửa đổi cho Bên mời Nhà cung cấp với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

Mục 12. Mở HSDXCC

1. Bên mời Nhà cung cấp tiến hành mở công khai HSDXCC của các Nhà cung cấp vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Bệnh viện Than – Khoáng sản (địa chỉ: Ngõ 01, phố Phan Đình Giót, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội) trước sự chứng kiến của các Nhà cung cấp tham dự lễ mở HSDXCC. Việc mở HSDXCC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện Nhà cung cấp tham dự chào hàng.

2. Việc mở HSDXCC được thực hiện đối với từng HSDXCC theo thứ tự chữ cái tên của Nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong.

b) Mở bản gốc HSDXCC và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên Nhà cung cấp, số lượng bản gốc, giá chào ghi trong đơn và bảng giá chào cho các danh mục dịch vụ, giá trị giảm giá cho từng phần (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDXCC, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm tham dự gói cung cấp, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm tham dự gói cung cấp và các thông tin khác mà Bên mời Nhà cung cấp thấy cần thiết. Chỉ những

thông tin về giám giá được đọc trong lễ mở HSDXCC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.

c) Đại diện của Bên mời Nhà cung cấp phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm tham dự gói cung cấp, bảng tổng hợp giá chào, thư giám giá (nếu có), bản cam kết thực hiện Gói cung cấp. Bên mời Nhà cung cấp không được loại bỏ bất kỳ HSDXCC nào khi mở HSDXCC, trừ các HSDXCC nộp sau thời điểm đóng hồ sơ.

3. Bên mời Nhà cung cấp phải lập biên bản mở HSDXCC trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở HSDXCC phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời Nhà cung cấp và các Nhà cung cấp tham dự lễ mở HSDXCC. Việc thiếu chữ ký của Nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXCC sẽ được gửi cho tất cả các Nhà cung cấp tham dự gói cung cấp.

Mục 13. Làm rõ HSDXCC

1. Sau khi mở HSDXCC, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSDXCC theo yêu cầu của Bên mời Nhà cung cấp, Bên mời Nhà cung cấp sẽ có văn bản yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ HSDXCC của Nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Bên mời Nhà cung cấp trong vòng 03 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời Nhà cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDXCC.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDXCC đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ

1. Trường hợp Nhà cung cấp cần sử dụng Nhà cung cấp phụ thì phải kê khai danh sách Nhà cung cấp phụ theo Mẫu số 07 Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng Nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của Nhà cung cấp chính. Nhà cung cấp chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do Nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà cung cấp phụ ngoài danh sách Nhà cung cấp phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên mời Nhà cung cấp chấp thuận.

2. Nhà cung cấp chính chỉ được sử dụng Nhà cung cấp phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho Nhà cung cấp phụ không vượt quá 20 % giá chào của Nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phụ đặc biệt không được phép sử dụng.

Mục 15. Đánh giá HSDXCC và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDXCC được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCC. Nhà cung cấp có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giám giá và không vượt giá gói cung cấp, được xếp hạng thứ nhất, được Bên mời Nhà cung cấp phê duyệt trong thứ tự danh sách xếp hạng và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá HSDXCC, HSDXCC, các tài liệu làm rõ HSDXCC (nếu có) của Nhà cung cấp và HSMCC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung Nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSMCC.

b) Trong quá trình đánh giá HSDXCC và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với HSMCC thì Bên mời Nhà cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDXCC chưa có đơn giá thì Tổ chuyên gia báo cáo Bên mời Nhà cung cấp xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với HSMCC hoặc đơn giá của Nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán Gói cung cấp.

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDXCC của Nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự gói cung cấp thấp nhất trong số các HSDXCC của Nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất Nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMCC và HSDXCC, giữa các nội dung khác nhau trong HSDXCC có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Thương thảo về các sai lệch do Nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong HSDXCC (nếu có).

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của Gói cung cấp.

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời Nhà cung cấp xem xét, quyết định mời Nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 16. Điều kiện xét duyệt lựa chọn Nhà cung cấp thực hiện Gói cung cấp:

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị được lựa chọn thực hiện gói cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDXCC hợp lệ.

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCC.

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCC.

4. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất và không vượt giá gói cung cấp.

Mục 17. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn Nhà cung cấp trên trang Web của Bệnh viện Than – Khoáng sản và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo quy định trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn Nhà cung cấp được phê duyệt.

Mục 18. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDXCC của Nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện Gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, Bên mời Nhà cung cấp tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDXCC. Kết quả xác minh khẳng định là Nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện Gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế Nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSMCC thì Nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Bên mời Nhà cung cấp sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp trước đó và mời Nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời nhà cung cấp phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện Gói cung cấp theo đúng tiến độ.

Mục 19. Thay đổi số lượng dịch vụ cung cấp

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Bên mời Nhà cung cấp có quyền tăng hoặc giảm khối lượng công việc mời cung cấp nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với Gói cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng đã mời nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMCC và HSDXCC.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMCC này. Trường hợp Nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu hoặc một mẫu khác được Bên mời Nhà cung cấp chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Bên mời Nhà cung cấp:

Bệnh viện Than – Khoáng sản.

Địa chỉ: Ngõ 1 - Phan Đình Giót - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội.

Số điện thoại: (024) 36641775; Số fax: (024) 36646186.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Địa chỉ: Số 3 Dương Đình Nghệ, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDXCC

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDXCC

1.1. Kiểm tra HSDXCC

Kiểm tra các thành phần của HSDXCC theo yêu cầu tại Mục 4 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDXCC

HSDXCC của Nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDXCC.
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSMCC. Đối với Nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMCC.
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời Nhà cung cấp.
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSDXCC đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp.
- e) Có Bảo đảm tham dự gói cung cấp đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 6, Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp.
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDXCC với tư cách là Nhà cung cấp chính (Nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
- h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 06, Chương III – Biểu mẫu.
- i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có HSDXCC hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với Nhà cung cấp liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì Nhà cung cấp liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDXCC của nhà cung cấp chính. Bản thân Nhà cung cấp chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp phụ).

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, Nhà cung cấp được đánh giá là đáp ứng về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Nhà cung cấp liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu MTV liên danh	
1	Năng lực tài chính						
	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của Nhà cung cấp trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9 Chương III – Biểu mẫu; Báo cáo tài chính năm 2022, năm 2023.
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự						
	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự mà Nhà cung cấp đã thực hiện hoàn thành toàn bộ với tư cách là Nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong vòng 02 năm (2023, 2024) trở lại đây (tính đến thời điểm đóng hồ sơ): 02 hợp đồng. Trong đó, hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Là Hợp đồng thực hiện các dịch vụ tương tự như Gói cung cấp mà Nhà cung cấp tham dự.		Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10 Chương III – Biểu mẫu; Bản chứng thực của Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự

Nhà cung cấp phải đề xuất các nhân sự thực hiện các công việc của Gói cung cấp. Nhà cung cấp phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Trình độ chuyên môn
1	Bếp trưởng: 01 người	Tối thiểu 03 năm	Có bằng chứng nhận đào tạo về nấu ăn; có kinh nghiệm nấu ăn tối thiểu 02 năm	Tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên
2	Nấu chính: 02 người	Tối thiểu 03 năm	Có bằng chứng nhận đào tạo về nấu ăn; có kinh nghiệm nấu ăn tối thiểu 02 năm	Tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên
5	Phụ nấu: 02 người	Tối thiểu 01 năm	Có chứng chỉ đào tạo về nấu ăn; có kinh nghiệm chuyên môn tối thiểu: 02 năm	Có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn

Nhà cung cấp phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự: Bản sao chứng thực bằng cấp chuyên môn và Hợp đồng lao động. Nếu các nhân sự do nhà cung cấp đề xuất không kèm theo bản sao hợp đồng lao động với nhà cung cấp; không kèm theo bản sao công chứng bằng cấp chuyên môn thì các nhân sự đó được xem là không đáp ứng yêu cầu.

Nhà cung cấp có HSDXCC được đánh giá đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm của Gói cung cấp sẽ được đưa vào đánh giá về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDXCC được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo bảng biểu như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Yêu cầu cần tuân thủ	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	
			Đạt	Không đạt
1	Yêu cầu đối với dịch vụ	- Nhà cung cấp có đủ nhân sự để thực hiện nhiệm vụ cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị tại Bệnh viện Than – Khoáng sản năm 2025. - Có cam kết khẩu phần ăn: + Cam kết khẩu phần ăn đối với bệnh nhân rửa phổi: Bữa sáng ≥ 45.000 đồng/suất; Bữa trưa ≥ 145.000 đồng/suất; bữa tối ≥ 145.000 đồng/suất; + Cam kết khẩu phần ăn giữa ca cho CBNV ≥ 27.000 đồng/suất; + Cam kết khẩu phần ăn khách, Hội nghị mức 1 ≥ 300.000 đồng/suất; khẩu phần ăn khách, Hội nghị	Đạt	

TT	Nội dung đánh giá	Yêu cầu cần tuân thủ	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	
			Đạt	Không đạt
		mức $1 \geq 400.000$ đồng/suất. - Có cam kết cung cấp suất ăn đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, món ăn được chế biến từ các thành phần nguyên liệu tươi, sạch. Các suất ăn phải được thực hiện tại Nhà ăn của Bên mời nhà cung cấp.		
		Không đáp ứng một trong các tiêu chí trên		Không đạt
2	Tiến độ cung cấp	- Toàn bộ dịch vụ được cung cấp trong 12 tháng. - Thời gian cung cấp theo từng đối tượng phục vụ cụ thể như sau: + Đối với suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi: Cung cấp suất ăn sáng từ 7h30 đến 8h30; suất ăn trưa từ 11h00 đến 12h30; suất ăn chiều từ 17h30 đến 19h00 (ngoại trừ các trường hợp khác do Bên A yêu cầu). + Đối với suất ăn giữa ca cung cấp từ: 11h30 đến 13h00 (ngoại trừ các trường hợp khác do Bên A yêu cầu). + Đối với suất ăn khách cung cấp buổi trưa từ 11h00 đến 14h00; buổi chiều từ 17h30 đến 19h30 (ngoại trừ các trường hợp khác do Bên A yêu cầu).	Đạt	
		Không đáp ứng một trong các tiêu chí trên		Không đạt
3	Quy trình kỹ thuật	Có quy trình nhập thực phẩm, quy trình sơ chế thực phẩm, quy trình chế biến thực phẩm, quy trình bảo quản thức ăn, quy trình chia suất ăn và tổ chức bữa ăn.	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên		Không đạt
4	Yêu cầu khác	- Cam kết chỉ sử dụng gas hoặc điện để chế biến thức ăn; - Cam kết thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, nội quy, quy định của Bên mời nhà cung cấp, bảo đảm vệ sinh môi trường trong và ngoài khu vực thực hiện dịch vụ; - Cam kết thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo quy định hiện hành; - Cam kết thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên thực hiện Gói cung cấp tối thiểu 01 lần/năm; - Cam kết các nhân viên của nhà cung cấp làm việc tại nhà ăn ca phải luôn mặc trang phục sạch sẽ, gọn	Đạt	

TT	Nội dung đánh giá	Yêu cầu cần tuân thủ	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	
			Đạt	Không đạt
		gàng và phải đăng ký trước danh sách với Bên A. Nhà cung cấp phải đảm bảo rằng tất cả những người do mình cử đến làm việc đều có tư cách đạo đức tốt, thái độ cư xử nhã nhặn, lịch sự, đúng mực, tuân thủ các quy định và Nội quy của Bệnh viện. - Nhân viên của nhà cung cấp làm việc tại nhà ăn phải đảm bảo có sức khỏe tốt, không bị mắc các bệnh truyền nhiễm, có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm.		
		Không đáp ứng một trong các tiêu chí trên		Không đạt
	Kết luận	Đáp ứng các tiêu chuẩn 1,2,3,4: Được xác định là đạt	Đạt	
		Không đáp ứng các tiêu chuẩn 1,2,3,4: Được xác định là không đạt		Không đạt

Các HSDXCC đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật của Gói cung cấp sẽ đưa vào đánh giá tài chính (xác định giá chào).

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch từ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Bước 5: Xếp hạng Nhà cung cấp. HSDXCC có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, từ đi giá trị giảm giá (nếu có) và không vượt giá gói cung cấp thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc Gói cung cấp, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh

toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMCC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3.

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMCC.

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời Nhà cung cấp cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá Nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại.

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền.

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐXCC của Nhà cung cấp có sai lệch.

Trường hợp một danh mục trong HSĐXCC của Nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt của Gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp Nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên Gói cung cấp: ____ [Ghi tên Gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời Nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu HSMCC và văn bản sửa đổi HSMCC số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên Nhà cung cấp], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp] cam kết thực hiện Gói cung cấp ____ [Ghi tên Gói cung cấp] theo đúng yêu cầu của HSMCC với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của Gói cung cấp]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một HSDXCC này với tư cách là Nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự Gói cung cấp này.
5. Những thông tin kê khai trong HSDXCC là trung thực.

Nếu HSDXCC của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại HSMCC.

Hồ sơ đề xuất cung cấp này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời Nhà cung cấp, Nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của HSDXCC, được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời Nhà cung cấp.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong Đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương IV – Yêu cầu đối với Gói cung cấp.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMCC.

(5) Ghi ngày đóng hồ sơ theo quy định của HSMCC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 05 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 05 Chương này). Trường hợp Nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 04 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với Nhà cung cấp độc lập. Nếu Nhà cung cấp được lựa chọn, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp phải trình Bên mời Nhà cung cấp bản chụp được chứng thực các văn bản này.

BẢNG GIÁ CHÀO DỊCH VỤ

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi:	Chế biến, cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi của Bệnh viện.				
-	Suất ăn sáng với khẩu phần ăn là 45.000 đồng/suất.		Suất	12.100		
-	Suất ăn trưa với khẩu phần ăn là 145.000 đồng/suất.		Suất	12.100		
-	Suất ăn tối với khẩu phần ăn là 145.000 đồng/suất.		Suất	12.100		
2	Cung cấp suất ăn giữa ca cho CBNV:	Chế biến, cung cấp suất ăn giữa ca cho CBNV của Bệnh viện.				
-	Suất ăn trưa với khẩu phần ăn là 27.000 đồng/suất.		Suất	13.200		
3	Cung cấp suất ăn khách, Hội nghị:	Chế biến, cung cấp suất ăn khách, Hội nghị của Bệnh viện.				
-	Suất ăn mức 1 với khẩu phần ăn là: 300.000 đồng/suất.		Suất	900		
-	Suất ăn mức 2 với khẩu phần ăn là: 400.000 đồng/suất.		Suất	900		
	Tổng cộng giá chào đã bao gồm toàn bộ các chi phí như nguyên vật liệu, nhân công, thuế GTGT 10%, phí, lệ phí (nếu có). <i>(Kết chuyển sang Đơn chào hàng)</i>					

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (5), (6) do Nhà cung cấp chào;
 - Đơn giá tại cột (5) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).
 - Nhà cung cấp phải chào toàn bộ dịch vụ của Gói cung cấp;
 - Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%.
- Để đảm bảo công bằng cho tất cả các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về tài chính

đối với các HSDXCC, đề nghị các nhà cung cấp chào giá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% và công bố rõ mức thuế suất GTGT trong giá chào.

- Trường hợp nhà cung cấp không công bố giá chào đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% hoặc không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%;

- Trường hợp nhà cung cấp chào giá và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 10% thì khi đánh giá về tài chính đối với HSDXCC của nhà cung cấp đó, bên mời nhà cung cấp sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 10%;

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên Gói cung cấp: _____ [Ghi tên Gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời Nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu HSMCC, văn bản sửa đổi HSMCC số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm HSMCC do _____ [Ghi tên Bên mời Nhà cung cấp] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên Nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ theo đúng quy định của HSMCC.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với Nhà cung cấp độc lập)

Bên thụ hưởng: ____ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của Bên mời Nhà cung cấp]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự gói cung cấp]

Bên bảo lãnh: ____ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [Ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện Gói cung cấp ____ [Ghi tên Gói cung cấp] thuộc Phương án ____ [Ghi tên Phương án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh Gói cung cấp này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng hồ sơ và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;

2. Nhà cung cấp vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời Nhà cung cấp, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo được lựa chọn thực hiện gói cung cấp của Bên mời Nhà cung cấp hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn thực hiện gói cung cấp: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn thực hiện gói cung cấp: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa

chọn Nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp Bảo đảm tham dự gói cung cấp là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.*
- (2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.*
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng hồ sơ theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.*

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với Nhà cung cấp liên danh)

Bên thụ hưởng: ____ [Ghi tên và địa chỉ của Bên mời Nhà cung cấp]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [Ghi tên Nhà cung cấp]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện Gói cung cấp ____ [Ghi tên Gói cung cấp] thuộc Phương án ____ [Ghi tên Phương án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện Gói cung cấp này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng hồ sơ và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà cung cấp vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời Nhà cung cấp, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo được lựa chọn thực hiện gói cung cấp của Bên mời Nhà cung cấp hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [Ghi đầy đủ tên của Nhà cung cấp liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả Bảo đảm tham dự gói cung cấp theo quy định của pháp luật đấu thầu thì Bảo đảm tham dự gói cung cấp của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn thực hiện gói cung cấp: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn thực hiện gói cung cấp: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp Bảo đảm tham dự gói cung cấp là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Tên Nhà cung cấp có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả Nhà cung cấp liên danh, ví dụ Nhà cung cấp liên danh A + B tham dự gói cung cấp thì tên Nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự gói cung cấp cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ Nhà cung cấp liên danh A + B + C tham dự gói cung cấp, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho Nhà cung cấp A thực hiện Bảo đảm tham dự gói cung cấp cho cả liên danh thì tên Nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp A (thay mặt cho Nhà cung cấp liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công Nhà cung cấp B thực hiện Bảo đảm tham dự gói cung cấp cho Nhà cung cấp B và C thì tên Nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp B (thay mặt cho Nhà cung cấp B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự gói cung cấp.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng hồ sơ theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên Nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự Gói cung cấp _ [Ghi tên Gói cung cấp] thuộc Phương án _ [Ghi tên Phương án] do _ [Ghi tên Bên mời Nhà cung cấp] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời Nhà cung cấp trong quá trình tham dự gói cung cấp, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất cung cấp;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời Nhà cung cấp nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên Nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên Nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà
cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời Nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói cung cấp: _____ [Ghi tên Gói cung cấp]

Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/20233 của Quốc hội];Căn cứ hồ sơ yêu cầu Gói cung cấp _____ [Ghi tên Gói cung cấp] phát hành
ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy
quyền).Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội
dung sau:**Điều 1. Nguyên tắc chung**1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự gói cung cấp Gói cung
cấp _____ [Ghi tên Gói cung cấp] thuộc Phương án _____ [Ghi tên Phương án].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến Gói
cung cấp này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh
với thành viên khác để tham gia Gói cung cấp này. Trường hợp được lựa chọn thực hiện gói
cung cấp, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy
định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên
danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như
đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời Nhà cung cấp theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệmCác thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện Gói cung cấp _____ [Ghi
tên Gói cung cấp] thuộc Phương án _____ [Ghi tên Phương án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời Nhà cung cấp trong quá trình tham dự gói cung cấp, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của Gói cung cấp	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn thực hiện gói cung cấp;

- Hủy thầu Gói cung cấp ____ [Ghi tên Gói cung cấp] thuộc Phương án ____ [Ghi tên Phương án] theo thông báo của Bên mời Nhà cung cấp.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của Gói cung cấp, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CUNG CẤP PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên Nhà cung cấp phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Nhà cung cấp phụ (nếu có)⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng Nhà cung cấp phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên Nhà cung cấp phụ.
- (3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho Nhà cung cấp phụ.
- (4) Nhà cung cấp ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho Nhà cung cấp phụ.
- (5) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị % công việc mà Nhà cung cấp phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà cung cấp ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Nhà cung cấp phụ (nếu có), Nhà cung cấp phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Kính gửi: _____ [ghi tên Bên mời Nhà cung cấp]
 (sau đây gọi là Bên mời Nhà cung cấp)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là Nhà cung cấp) là Nhà cung cấp đã được lựa chọn thực hiện Gói cung cấp _____ [ghi tên Gói cung cấp] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho Gói cung cấp trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ mời cung cấp (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp phải nộp cho Bên mời Nhà cung cấp bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời Nhà cung cấp bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời Nhà cung cấp thông báo Nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời Nhà cung cấp sẽ báo cáo Bên mời Nhà cung cấp xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là Nhà cung cấp) là Nhà cung cấp được lựa chọn thực hiện Gói cung cấp _____ [ghi tên Gói cung cấp] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ CUNG CẤP⁽¹⁾

Tên Nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính năm 2022, 2023 [VND]

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản	
Tổng nợ	
Giá trị tài sản ròng	
Tài sản ngắn hạn	
Nợ ngắn hạn	
Vốn lưu động	

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu	
Lợi nhuận trước thuế	
Lợi nhuận sau thuế	
Đính kèm là bản sao báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) năm 2024 và tuân thủ các điều kiện sau: 1. Phản ánh tình hình tài chính của Nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh. 2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định	

Ghi chú: (1) Trường hợp Nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của Nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

Hợp đồng tương tự		
Hợp đồng số ____ ngày__ tháng__ năm__	Thông tin hợp đồng	
Ngày trao hợp đồng: ngày__ tháng__ năm__	Ngày hoàn thành: ngày__ tháng__ năm__	
Tổng giá hợp đồng	_____ VND	
Nếu là thành viên trong liên danh hoặc Nhà cung cấp phụ, nêu rõ khoản tiền thành viên đó tham gia trong tổng giá hợp đồng	Tỷ lệ trên tổng giá hợp đồng	Số tiền: _____ VND
Tên Bên mời Nhà cung cấp Địa chỉ Điện thoại/Số Fax E-mail		
Mô tả đặc điểm tương tự		
Mô tả yêu cầu về tính chất tương tự ⁽¹⁾	<i>Đặc điểm tương tự của hợp đồng mà Nhà cung cấp đã hoàn thành⁽²⁾</i>	

Ghi chú:

(1) Tham chiếu các Bảng 2 - Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐXCC;

(2) Nhà cung cấp cần ghi các đặc điểm tương tự của hợp đồng để chứng minh sự đáp ứng về hợp đồng tương tự.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI CUNG CẤP

Mục 1. Giới thiệu chung

- Tên Gói cung cấp: Cung cấp dịch vụ suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị tại Bệnh viện Than – Khoáng sản năm 2025
- Bên mời nhà cung cấp: Bệnh viện Than – Khoáng sản.
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Than - Khoáng sản.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Nhà ăn của Bệnh viện Than - Khoáng sản (Địa chỉ: Ngõ 1, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội).
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp dịch vụ là cơ sở để Nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

Phạm vi cung cấp dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi:		
-	Suất ăn sáng với khẩu phần ăn là 45.000 đồng/suất.	Suất	12.100
-	Suất ăn trưa với khẩu phần ăn là 145.000 đồng/suất.	Suất	12.100
-	Suất ăn tối với khẩu phần ăn là 145.000 đồng/suất.	Suất	12.100
2	Cung cấp suất ăn giữa ca cho CBNV:		
-	Suất ăn trưa với khẩu phần ăn là 27.000 đồng/suất.	Suất	13.200
3	Cung cấp suất ăn khách, Hội nghị:		
-	Suất ăn mức 1 với khẩu phần ăn là: 300.000 đồng/suất.	Suất	900
-	Suất ăn mức 2 với khẩu phần ăn là: 400.000 đồng/suất.	Suất	900

Mục 3. Cơ sở vật chất thực hiện Gói cung cấp:

Để đảm bảo công tác phục vụ suất ăn được thực hiện tại Nhà ăn của Bệnh viện Than – Khoáng sản, Bệnh viện sẽ tạo điều kiện cho Nhà cung cấp sử dụng hệ thống cơ sở vật chất hiện có của Bệnh viện để thực hiện dịch vụ (không thu phí), bao gồm:

- Nhà ăn của Bệnh viện: Phòng ăn tập trung tại Tầng 1, tầng 2 Nhà C có đủ diện tích cho 230 người ăn, có khu vực chế biến riêng biệt, có kho chứa gas riêng biệt.
- Có hệ thống điện, nước đầy đủ.
- Trang bị thiết bị PCCC.
- Công cụ dụng cụ phục vụ chế biến món ăn:

- + Biếp gas công nghiệp, nồi cơm điện, bát, đĩa, khay chia suất ăn, ...
- + Bàn ghế ăn, hệ thống điều hòa hai chiều, ...
- + Tủ lạnh, tủ bảo ôn, ...

Trong quá trình sử dụng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm giữ gìn toàn bộ cơ sở vật chất của Bệnh viện, những hư hỏng về nhà cửa và vật kiến trúc xảy ra do hao mòn theo thời gian thì Bệnh viện sẽ khắc phục, những hư hỏng của thiết bị do nhà cung cấp sử dụng thì nhà cung cấp phải có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay mới. Hết thời gian thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp có trách nhiệm hoàn trả lại đầy đủ thiết bị nhà cung cấp đã mượn.

Về cơ bản, hệ thống cơ sở vật chất hiện tại của Bệnh viện hoàn toàn đáp ứng cho nhà cung cấp thực hiện hợp đồng, Nhà cung cấp có trách nhiệm khảo sát hiện trường để có căn cứ lập HSDXCC hợp lý và hiệu quả.

Mục 4. Yêu cầu về chất lượng và định lượng nguyên liệu chính suất ăn:

1. Yêu cầu về chất lượng:

- Thực phẩm cung cấp phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo các quy định hiện hành của Bộ y tế, của Nhà nước.
- Món ăn được chế biến từ các thành phần nguyên liệu tươi, sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Chịu trách nhiệm toàn bộ/nhưng không giới hạn về khu vực nhà ăn, chất lượng thực phẩm, chất lượng bữa ăn, suất ăn, điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn suất ăn... do đơn vị cung cấp trước sự kiểm tra, giám sát của Bệnh viện hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Nhà cung cấp phải chịu toàn bộ trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố tại khu vực nhà ăn và chất lượng bữa ăn, suất ăn đã cung cấp.

2. Yêu cầu về định lượng khẩu phần suất ăn:

2.1. Yêu cầu định lượng khẩu phần suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi:

a. Yêu cầu về định lượng khẩu phần suất ăn sáng: 45.000 đồng/suất.

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
1	- Bún bò, sườn, gà, cá - Sữa tươi hoặc hoa quả		
	<i>Trong đó:</i>	<i>Bún</i>	150 ÷ 200 (g)
		<i>Các loại thịt bò, gà, cá</i>	70 ÷ 150 (g)
		<i>Sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa</i>	
2	- Phở bò, gà - Sữa tươi hoặc hoa quả		
	<i>Trong đó:</i>	<i>Phở</i>	150 ÷ 200 (g)
		<i>Các loại thịt bò, gà, cá</i>	70 ÷ 150 (g)
		<i>Sữa tươi</i>	180 ml
		<i>Hoa quả theo mùa</i>	150 ÷ 200 (g)
3	- Xôi giò, chả, trứng kho - Sữa tươi hoặc hoa quả		

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
	Trong đó:	Xôi	150 ÷- 200 (g)
		Các giò, chả, trứng kho	100 ÷- 150 (g)
		Sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	

b. Yêu cầu định lượng khẩu phần suất ăn trưa và khẩu phần suất ăn tối: 145.000 đồng/suất.

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
1	Cơm trắng	Gạo Lài sữa, Tám thái	120 ÷- 140 (g)
2	03 Món mặn chính	Các loại thịt bò, lợn, gà, cá, tôm. . .	100 ÷- 150 (g)
	Trong đó:	Các loại thịt lợn,...	100 ÷- 120 (g)
		Các loại thịt bò, tôm,...	100 (g)
		Các loại thịt gà, cá,...	120 ÷- 150 (g)
3	01 Món xào		
	Trong đó:	Các loại thịt bò, thịt lợn,...	50 ÷- 70 (g)
		Các loại rau, củ quả, măng,...	70 ÷- 100 (g)
4	Món mặn phụ	Các loại chả, trứng, đậu, lạc...	60 ÷- 80 (g)
5	Món rau	Các loại rau, củ, quả. . .	110 ÷-130 (g)
6	Món canh	Các loại rau, củ, quả. . .	60 ÷- 70g (g)
7	Tráng miệng	Sữa chua, sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	

2.2. Yêu cầu định lượng khẩu phần suất ăn giữa ca cho CBNV: 27.000 đồng/suất.

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
1	Cơm trắng	Gạo Lài sữa, Tám thái	120 ÷- 140 (g)
2	Món mặn chính	Các loại thịt bò, lợn, gà, cá, tôm. . .	100 ÷- 150 (g)
	Trong đó:	Các loại thịt lợn,...	100 ÷- 120 (g)
		Các loại thịt bò, tôm,...	100 (g)
		Các loại thịt gà, cá,...	120 ÷- 150 (g)
3	Món mặn phụ	Các loại chả, trứng, đậu, lạc...	60 ÷- 80 (g)
4	Món rau	Các loại rau, củ, quả. . .	110 ÷-130 (g)
5	Món canh	Các loại rau, củ, quả. . .	60 ÷- 70g (g)
6	Tráng miệng	Sữa chua, sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	

2.3. Yêu cầu định lượng khẩu phần suất ăn khách, Hội nghị:

a. Yêu cầu định lượng khẩu phần suất ăn mức 1: 300.000 đồng/suất.

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
1	Món chính 1	Các món từ Gà, Ngan, Vịt, Thịt lợn mán, thịt dê, thịt bê...	Gà ta ½ con/đĩa (Gà loại 1,5-1,6kg); Ngan 1/2 con (loại 2,2-25kg con); Thịt lợn mán, thịt bê, thịt dê 0,7kg...

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
2	Món chính 2	Các món từ Tôm, Ốc, mực...	Tôm 6 con/ đĩa (loại 20 con/kg)/ Ốc hương 0,4kg/ Ốc bươu 0,7 kg/ 0,5 kg mực ống loại 10-12 con/kg...
3	Món chính 3	Các món từ Chim, chân giò lợn, sườn lợn, bò..	Chim bồ câu 1.5 con; Chân giò 0,8 kg; sườn lợn 0,7kg; Bò 0,5kg....
4	Món chính 4	Các món từ cá	Cá diêu hồng 0,8kg, cá quả 0,7kg...
5	Món phụ 1	Món nộm, chả	Nộm thập cẩm...0,4 kg/đĩa, chả mem 06 cái; chả cá 0,4kg...
6	Món phụ 2	Các món từ trứng hoặc thịt	Trứng tráng 03 quả hoặc thịt 0,3 kg...
7	Món rau 1	Các món rau xào	Rau các loại + Tim cật 0,3kg hoặc thịt bò 0,3 kg...
8	Món rau 2	Rau củ, quả luộc	0,5 kg/đĩa...
9	Món canh	Canh các loại	0,3kg sườn + bí xanh 0,3 kg; 0,3kg khổ qua +0,3 kg thịt băm; Cua 0,3kg + rau 0,4kg...
10	Com	Com tám	0,13 lạng gạo/suất
11	Tráng miệng	Hoa quả	0,3-0,4 kg/ đĩa
12	Rượu, bia, nước ngọt, nước lavi...		Thanh toán theo nhu cầu thực tế

b. Yêu cầu định lượng khẩu phần suất ăn mức 2: 400.000 đồng/suất.

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
1	Món khai vị	Món Súp	01 bát/người (Súp gà; Súp hải sản ...)
2	Món chính 1	Các món từ Gà, Ngan, Vịt, Thịt lợn mán, thịt dê, thịt bê...	Gà ta 01 con/đĩa, bát (Gà loại 1kg); Ngan 1/2 con (loại 2-2,2kg con); Thịt 0,6 kg; lợn mán, thịt dê, thịt bê...
3	Món chính 2	Các món từ Tôm, Ốc, mực...	Tôm 6 con/ đĩa (loại 20 con/kg)/ Ốc hương 0,5kg/ Ốc bươu 0,6 kg; mực 0,5 kg; mực ống loại 04 con/kg hoặc Mực lá loại 02 con/kg...
4	Món chính 3	Các Món từ Chim; Bê, Bò, Sườn lợn...	Chim Bồ câu 03 con loại 0,3 kg/con; 0,4 kg thịt bê; 0,5kg thịt bò, 0,5 kg sườn lợn...
5	Món chính 4	Các món từ cá...	Cá Lăng; cá Trình, cá Quả 01kg...
6	Món phụ 1	Món xào thập cẩm...	Tim cật 0,3 kg; Bò 0,3kg + cần tỏi, hành tây, cà rốt, nấm (0,3 -0,4 kg)...
7	Món phụ 2	Món nộm...	Nộm hoa chuối tai lợn hoặc Nộm ngó sen tai lợn... (0,2 kg tai lợn và 0,3 kg hoa chuối hoặc 0,3kg ngó sen + dưa chuột, cà rốt...)
8	Món rau	Rau củ luộc/rau xào...	Rau, củ theo mùa... (0,4 kg rau bí đã sơ chế; 0,4 kg rau Cải chíp + nấm hương...)
9	Món canh	Canh rau củ	Canh măng sườn/Canh khổ qua nhồi thịt/Canh bóng... (0,2 kg sườn và 0,3 kg măng; 0,2 kg thịt băm +0,kg mướp đắng; chân giò 0,2 kg, trứng cút 06 quả, giò sống + tôm khô 0,1kg...)

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
10	Cơm	Cơm tằm	0,12 lạng gạo/suất
11	Tráng miệng	Tráng miệng	Hoa quả 0,4 kg/đĩa; Sữa chua, caramen...
12	Đồ uống	Rượu, bia, nước ngọt, nước lavi...	Thanh toán theo nhu cầu thực tế

Mục 5. Yêu cầu khác:

- Cam kết chỉ sử dụng gas hoặc điện để chế biến thức ăn;
- Cam kết thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, nội quy, quy định của Bên mời nhà cung cấp, bảo đảm vệ sinh môi trường trong và ngoài khu vực thực hiện dịch vụ;
- Cam kết thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo quy định hiện hành;
- Cam kết thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên thực hiện Gói cung cấp tối thiểu 01 lần/năm;
- Cam kết các nhân viên của nhà cung cấp làm việc tại nhà ăn ca phải luôn mặc trang phục sạch sẽ, gọn gàng và phải đăng ký trước danh sách với bảo vệ Bệnh viện. Nhà cung cấp phải đảm bảo rằng tất cả những người do mình cử đến làm việc đều có tư cách đạo đức tốt, thái độ cư xử nhã nhặn, lịch sự, đúng mực, tuân thủ các quy định và Nội quy của Bệnh viện.
- Nhân viên của nhà cung cấp làm việc tại nhà ăn phải đảm bảo có sức khỏe tốt, không bị mắc các bệnh truyền nhiễm, có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm còn hiệu lực.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói cung cấp: _____ [Ghi tên Gói cung cấp]

Thuộc Phương án: _____ [Ghi tên Phương án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11];

- Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15];

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các Gói cung cấp mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn Nhà cung cấp Gói cung cấp _____ [Ghi tên Gói cung cấp] và thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời Nhà cung cấp;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời Nhà cung cấp và Nhà cung cấp được lựa chọn thực hiện gói cung cấp ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mời Nhà cung cấp [Ghi tên Bên mời Nhà cung cấp]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà cung cấp [Ghi tên Nhà cung cấp được lựa chọn thực hiện gói cung cấp]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng, phạm vi công việc

- Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất

182

ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị của Bên A theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp;
4. HSDXCC và các văn bản làm rõ HSDXCC (nếu có) của Nhà cung cấp được lựa chọn thực hiện gói cung cấp;
5. HSMCC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMCC (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

- Bên A bàn giao hệ thống cơ sở vật chất hiện có tại nhà ăn cho Bên B để thực hiện hợp đồng. Trong mọi trường hợp, Bên A luôn xác định quyền sở hữu của mình đối với hệ thống cơ sở vật chất này, bao gồm :

+ *Các thiết bị hiện có tại nhà ăn như thiết bị chiếu sáng, quạt trần, quạt treo tường, hệ thống điều hòa, tủ lạnh, bình nước nóng, bàn ghế ăn, hệ thống cấp nước, chậu rửa, nồi cơm điện.*

+ *Các vật tư, thiết bị phục vụ công tác nấu ăn như các loại nồi nấu, bát, đĩa, khay chia suất ăn, ...*

- Kiểm tra, giám sát và phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Cam kết đã có đủ điều kiện kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật đối với dịch vụ do mình cung ứng. Không được chuyển giao cho bất kỳ bên nào khác thực hiện thay dịch vụ, nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

- Bên B thực hiện cung cấp cho Bên A đầy đủ các nội dung tại Điều 1, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Trách nhiệm đối với hệ thống cơ sở vật chất hiện có của Bên A:

- Bên B tiếp nhận và sử dụng cơ sở vật chất của Bên A giao liên quan đến công tác phục vụ suất ăn được nêu tại Điều 3 để thực hiện hợp đồng. Hai bên cùng nhau kiểm tra, đánh giá và lập biên bản bàn giao tài sản của Bên A cho Bên B.

+ *Tất cả các tài sản cố định như : Nhà cửa, vật kiến trúc, ... do Bên A bàn giao cho Bên B, nếu hư hỏng do hao mòn theo thời gian thì Bên B đề xuất để Bên A sửa chữa, trường hợp hư hỏng do Bên B gây ra thì Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay mới để đảm bảo nguyên trạng của tài sản.*

+ *Tất cả các thiết bị hiện có tại nhà ăn do Bên A bàn giao cho Bên B sử dụng nếu hư hỏng thì Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay mới.*

+ Các vật tư, thiết bị khác phục vụ công tác nấu ăn như các loại nồi nấu, đồ dùng, bát, đĩa, khay chia suất ăn, .. bị hư hỏng trong quá trình sử dụng thì Bên B phải có trách nhiệm thay mới.

2. Trách nhiệm đối với dịch vụ:

- Cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, suất ăn giữa ca cho CBNV và suất ăn khách, Hội nghị của Bên A đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, món ăn được chế biến từ các thành phần nguyên liệu tươi, sạch.

- Cam kết khẩu phần ăn đối với bệnh nhân rửa phổi: Bữa sáng ≥ 45.000 đồng/suất; Bữa trưa ≥ 145.000 đồng/suất; bữa tối ≥ 145.000 đồng/suất.

- Cam kết khẩu phần ăn giữa ca cho CBNV ≥ 27.000 đồng/suất.

- Cam kết khẩu phần ăn khách, Hội nghị mức 1 ≥ 300.000 đồng/suất; khẩu phần ăn khách, Hội nghị mức 2 ≥ 400.000 đồng/suất.

- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, nội quy, quy định của Bên A, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và ngoài khu vực thực hiện dịch vụ.

- Nhân viên của Bên B làm việc tại nhà ăn phải luôn mặc trang phục sạch sẽ, gọn gàng và phải đăng ký trước danh sách với Bên A. Bên B phải đảm bảo rằng tất cả những người do mình cử đến làm việc đều có tư cách đạo đức tốt, thái độ cư xử nhã nhặn, lịch sự, đúng mực, tuân thủ các quy định và Nội quy của Bệnh viện.

- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bao gồm :

+ Quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng, tươi, sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

+ Thực hiện tốt việc bảo quản thực phẩm trước và sau chế biến.

+ Thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo quy định hiện hành. Đại diện của Bên A hoặc các cơ quan chức năng có quyền kiểm tra định kỳ hoặc bất thường các mẫu lưu khi thấy cần thiết.

+ Thực hiện ghi chép sổ sách hợp lý theo quy định hiện hành.

+ Chỉ được sử dụng gas hoặc điện để chế biến thức ăn.

- Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố tại khu vực nhà ăn và chất lượng bữa ăn, suất ăn đã cung cấp.

- Bố trí cán bộ để phối hợp với Bên A trong việc thực hiện hợp đồng, gồm:

+ Xây dựng thực đơn hàng tuần chuyển cho Bên A duyệt trước 14h30 ngày làm việc cuối cùng tuần trước đó và công khai thực đơn hàng ngày trên bảng tin treo tại nhà ăn.

+ Quyết toán khối lượng dịch vụ thực hiện trong tháng (số lượng suất ăn) vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Đơn giá dịch vụ :

- Đơn giá suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi sau thuế:

+ Giá suất ăn sáng cho bệnh nhân rửa phổi sau thuế là : ... đồng/suất (khẩu phần ăn ≥ 45.000 đồng/suất).

+ Giá suất ăn trưa cho bệnh nhân rửa phổi sau thuế là : ... đồng/suất (khẩu phần ăn ≥ 145.000 đồng/suất).

+ Giá suất ăn tối cho bệnh nhân rửa phổi sau thuế là : đồng/suất (khẩu phần ăn ≥ 145.000 đồng/suất).

- Đơn giá suất ăn giữa ca cho CBNV sau thuế là : ... đồng/suất (khẩu phần ăn ≥ 27.000 đồng/suất.)

- Đơn giá suất ăn khách, Hội nghị sau thuế là : đồng/suất (Khẩu phần ăn mức 1 ≥ 300.000 đồng/suất; khẩu phần mức 2 ≥ 400.000 đồng/suất.)

2. Số lượng suất ăn : suất.

3. Giá trị hợp đồng: ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]. (Đã có thuế GTGT%)

4. Phương thức thanh toán:

a. Tạm ứng: Không

b. Thanh toán: Thanh toán theo tháng.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Thanh toán 100% giá trị dịch vụ thực hiện tháng trước liền kề vào ngày 05 tháng sau, khi Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Biên bản đối chiếu khối lượng dịch vụ thực hiện trong tháng;

+ Hóa đơn tài chính ;

+ Văn bản đề nghị thanh toán ;

+ Tài liệu khác (nếu có).

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong những trường hợp sau:

1. Điều chỉnh đơn giá hợp đồng: Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện khi Bên A có nhu cầu thay đổi tăng/giảm đơn giá khẩu phần ăn.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 1% giá hợp đồng.

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực đến hết thời gian thực hiện hợp đồng + thêm 05 ngày làm việc.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong Bên B có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Có bằng chứng cho thấy Bên B đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Luật đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng.

d) Nhà cung cấp bị thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc bị cơ quan chức năng đình chỉ hoạt động kinh doanh liên quan đến nội dung công việc trong hợp đồng.

e) Dịch vụ do Bên B cung cấp không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm dẫn tới ngộ độc thực phẩm cho bệnh nhân, CBNV và khách của Bên A.

f) Bên B vi phạm nhiều lần dẫn đến giá trị phạt hợp đồng không vượt 8% giá trị hợp đồng theo quy định tại Điều 15.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

4. Hợp đồng có thể được chấm dứt khi có sự đồng ý của cả Bên A và Bên B.

Điều 11. Yêu cầu thời gian và địa điểm thực hiện dịch vụ

1. Thời gian cung cấp suất ăn:

a. Thời gian cung cấp suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi (bao gồm cả ngày thứ bảy, Chủ nhật, ngày Lễ, Tết) theo thời gian như sau:

- Suất ăn sáng: Từ 7h30 – 8h30.

- Suất ăn trưa: Từ 11h – 12h30.

- Suất ăn tối: Từ 17h30 – 19h00. (Ngoại trừ các trường hợp khác do Bên A yêu cầu).

b. Thời gian cung cấp suất ăn giữa ca cho CBNV của Bệnh viện:

- Suất ăn trưa : Từ 11h30 phút đến 13h00 (Ngoại trừ các trường hợp khác do Bên A yêu cầu).

c. Thời gian cung cấp suất ăn khách, Hội nghị:

- Cung cấp suất ăn buổi trưa: Từ 11h00 đến 14h00; Cung cấp suất ăn buổi chiều: Từ 17h30 đến 19h30 (Ngoại trừ các trường hợp khác do Bên A yêu cầu).

2. Địa điểm cung cấp suất ăn:

- Vị trí ăn tập trung tại tầng 1 và tầng 2 nhà ăn của Bên A.

3. Đăng ký suất ăn :

- Các Khoa, Phòng chức năng của Bên A đăng ký suất ăn cho bệnh nhân rửa phổi, ăn giữa ca trước 17 giờ ngày hôm trước với đại diện của Bên B. Trường hợp có bổ sung điều chỉnh số lượng suất ăn thì báo trước 08h30 của ngày ăn.

- Suất ăn khách: Bên A thông báo và thống nhất thực đơn trước 01 ngày với số lượng lớn hơn 20 suất. Trường hợp có bổ sung điều chỉnh số lượng suất ăn thì báo trước 8h30 của ngày ăn.

- Ngày thứ 6 của mỗi tuần, Sau khi thống nhất thực đơn tuần tiếp theo được dán tại bảng tin tại Nhà ăn của Bệnh viện.

- Trường hợp Bên A có thay đổi thực đơn đã được thống nhất trước đó thì bên A phải báo cho Bên B biết trước 17 giờ của ngày hôm trước.

Điều 12. Nghiệm thu

Căn cứ vào số lượng suất ăn được Bên A thông báo hàng ngày, vào ngày cuối cùng của tháng đại diện hai bên tổng hợp và lập biên bản đối chiếu khối lượng dịch vụ trong tháng làm cơ sở để Bên B thanh toán.

Điều 13. Chất lượng dịch vụ

- Bên B đảm bảo cung cấp suất ăn đúng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, món ăn được chế biến từ các thành phần nguyên liệu tươi, sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Chất và lượng các suất ăn như nhau, tương xứng hợp lý với đơn giá mà hai Bên thỏa thuận.

- Các món ăn được thay đổi liên tục, món ăn phù hợp theo mùa, vùng miền.

- Số lượng món ăn và định lượng khẩu phần ăn (sau chế biến) như sau:

a. Số lượng món ăn và định lượng khẩu phần suất ăn sáng cho bệnh nhân rửa phổi ≥ 45.000 đồng/suất.

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
1	- Bún bò, sườn, gà, cá - Sữa tươi hoặc hoa quả		
	Trong đó:	Bún	150 -:- 200 (g)

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
		Các loại thịt bò, gà, cá	70 ÷ 150 (g)
		Sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	
2	- Phở bò, gà - Sữa tươi hoặc hoa quả		
	Trong đó:	Phở	150 ÷ 200 (g)
		Các loại thịt bò, gà, cá	70 ÷ 150 (g)
		Sữa tươi	180 ml
		Hoa quả theo mùa	150 ÷ 200 (g)
3	- Xôi giò, chả, trứng kho - Sữa tươi hoặc hoa quả		
	Trong đó:	Xôi	150 ÷ 200 (g)
		Các giò, chả, trứng kho	100 ÷ 150 (g)
		Sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	

b. Số lượng món ăn, định lượng khẩu phần suất ăn trưa cho bệnh nhân rửa phổi ≥ 145.000 đồng/suất; số lượng món ăn, định lượng khẩu phần suất ăn tối cho bệnh nhân rửa phổi ≥ 145.000 đồng/suất.

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
1	Cơm trắng	Gạo Lài sữa, Tám thái	120 ÷ 140 (g)
2	03 Món mặn chính	Các loại thịt bò, lợn, gà, cá, tôm. . .	100 ÷ 150 (g)
	Trong đó:	Các loại thịt lợn,...	100 ÷ 120 (g)
		Các loại thịt bò, tôm,...	100 (g)
		Các loại thịt gà, cá,...	120 ÷ 150 (g)
3	01 Món xào		
	Trong đó:	Các loại thịt bò, thịt lợn,...	50 ÷ 70 (g)
		Các loại rau, củ quả, măng,...	70 ÷ 100 (g)
4	Món mặn phụ	Các loại chả, trứng, đậu, lạc...	60 ÷ 80 (g)
5	Món rau	Các loại rau, củ, quả. . .	110 ÷ 130 (g)
6	Món canh	Các loại rau, củ, quả. . .	60 ÷ 70g (g)
7	Tráng miệng	Sữa chua, sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	

c. Số lượng món ăn, định lượng khẩu phần suất ăn giữa ca cho CBNV: 27.000 đồng/suất.

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
1	Cơm trắng	Gạo Lài sữa, Tám thái	120 ÷ 140 (g)
2	Món mặn chính	Các loại thịt bò, lợn, gà, cá, tôm. . .	100 ÷ 150 (g)
	Trong đó:	Các loại thịt lợn,...	100 ÷ 120 (g)
		Các loại thịt bò, tôm,...	100 (g)
		Các loại thịt gà, cá,...	120 ÷ 150 (g)

STT	Nội dung	Thành phần	Khối lượng (gam)
3	Món mặn phụ	Các loại chả, trứng, đậu, lạc...	60 ÷ 80 (g)
4	Món rau	Các loại rau, củ, quả. . .	110 ÷ 130 (g)
5	Món canh	Các loại rau, củ, quả. . .	60 ÷ 70g (g)
6	Tráng miệng	Sữa chua, sữa tươi hoặc hoa quả theo mùa	

d. Số lượng món ăn, định lượng khẩu phần suất ăn khách, Hội nghị:

+ Số lượng món ăn, định lượng khẩu phần suất ăn mức 1: 300.000 đồng/suất.

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
1	Món chính 1	Các món từ Gà, Ngan, Vịt, Thịt lợn mán, thịt dê, thịt bê...	Gà ta ½ con/đĩa (Gà loại 1,5-1,6kg); Ngan 1/2 con (loại 2,2-25kg con); Thịt lợn mán, thịt bê, thịt dê 0,7kg...
2	Món chính 2	Các món từ Tôm, Ốc, mực...	Tôm 6 con/ đĩa (loại 20 con/kg)/ Ốc hương 0,4kg/ Ốc bươu 0,7 kg/ 0,5 kg mực ống loại 10-12 con/kg...
3	Món chính 3	Các món từ Chim, chân giò lợn, sườn lợn, bò..	Chim bồ câu 1.5 con; Chân giò 0,8 kg; sườn lợn 0,7kg; Bò 0,5kg...
4	Món chính 4	Các món từ cá	Cá diêu hồng 0,8kg, cá quả 0,7kg...
5	Món phụ 1	Món nộm, chả	Nộm thập cẩm...0,4 kg/đĩa, chả mem 06 cái; chả cá 0,4kg...
6	Món phụ 2	Các món từ trứng hoặc thịt	Trứng tráng 03 quả hoặc thịt 0,3 kg...
7	Món rau 1	Các món rau xào	Rau các loại +Tim cắt 0,3kg hoặc thịt bò 0,3 kg...
8	Món rau 2	Rau củ, quả luộc	0,5 kg/đĩa...
9	Món canh	Canh các loại	0,3kg sườn + bí xanh 0,3 kg; 0,3kg khổ qua +0,3 kg thịt băm; Cua 0,3kg + rau 0,4kg...
10	Com	Com tám	0,13 lạng gạo/suất
11	Tráng miệng	Hoa quả	0,3-0,4 kg/ đĩa
12	Rượu, bia, nước ngọt, nước lavi...		Thanh toán theo nhu cầu thực tế

+ Số lượng món ăn, định khẩu phần suất ăn mức 2: 400.000 đồng/suất.

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
1	Món khai vị	Món Súp	01 bát/người (Súp gà; Súp hải sản ...)
2	Món chính 1	Các món từ Gà, Ngan, Vịt, Thịt lợn mán, thịt dê, thịt bê...	Gà ta 01 con/đĩa, bát (Gà loại 1kg); Ngan 1/2 con (loại 2-2,2kg con); Thịt 0,6 kg: lợn mán, thịt dê, thịt bê...
3	Món chính 2	Các món từ Tôm, Ốc, mực...	Tôm 6 con/ đĩa (loại 20 con/kg)/ Ốc hương 0,5kg/ Ốc bươu 0,6 kg; mực 0,5 kg; mực ống loại 04 con/kg hoặc Mực lá loại 02 con/kg...
4	Món chính 3	Các Món từ Chim; Bê, Bò, Sườn lợn...	Chim Bò câu 03 con loại 0,3 kg/con; 0,4 kg thịt bê; 0,5kg thịt bò, 0,5 kg sườn lợn...

TT	Nội dung	Thành phần	Định lượng
5	Món chính 4	Các món từ cá...	Cá Lăng; cá Trình, cá Quả 01kg...
6	Món phụ 1	Món xào thập cẩm...	Tim cật 0,3 kg; Bò 0,3kg + cần tỏi, hành tây, cà rốt, nấm (0,3 -0,4 kg)...
7	Món phụ 2	Món nộm...	Nộm hoa chuối tai lợn hoặc Nộm ngó sen tai lợn... (0,2 kg tai lợn và 0,3 kg hoa chuối hoặc 0,3kg ngó sen + dưa chuột, cà rốt...)
8	Món rau	Rau củ luộc/rau xào...	Rau, củ theo mùa... (0,4 kg rau bí đã sơ chế; 0,4 kg rau Cải chíp + nấm hương...)
9	Món canh	Canh rau củ	Canh măng sườn/Canh khổ qua nhồi thịt/Canh bóng... (0,2 kg sườn và 0,3 kg măng; 0,2 kg thịt băm +0,kg muối ớt; chân giò 0,2 kg, trứng cút 06 quả, giò sống + tôm khô 0,1kg...)
10	Com	Com tám	0,12 lạng gạo/suất
11	Tráng miệng	Tráng miệng	Hoa quả 0,4 kg/đĩa; Sữa chua, caramen...
12	Đồ uống	Rượu, bia, nước ngọt, nước lavi...	Thanh toán theo nhu cầu thực tế

Điều 14. Trường hợp bất khả kháng

a. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự việc nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

b, Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự việc bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự việc đó và nguyên nhân gây ra sự việc. Đồng thời, chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự việc bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự việc bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự việc bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

c. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các Bên do sự việc bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 17.

Điều 15. Phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

Trừ trường hợp bất khả kháng, Bên B bị khấu trừ 2% giá trị hợp đồng/lần vi phạm, mức khấu trừ tối đa 8% giá trị hợp đồng.

- Vi phạm một trong các lỗi sau dẫn tới khấu trừ:

+ Bên B cung cấp suất ăn có chất lượng không tuân thủ quy định tại Điều 13.

+ Bên B thực hiện hợp đồng vi phạm nội quy, quy định của Bên A.

Trường hợp mức khấu trừ do phạt vi phạm vượt quá 8% giá trị hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 10.

2. Bồi thường thiệt hại

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu do lỗi của Bên B dẫn tới tai nạn phòng chống cháy nổ hoặc suất ăn không đảm bảo VSATTP gây ra ngộ độc thực phẩm cho bệnh nhân, CBNV và khách của Bên A thì Bên B phải chịu mọi trách nhiệm và thực hiện khắc phục ngay lập tức mọi thiệt hại do Bên B gây ra.

Điều 16. Bảo mật thông tin

Mỗi Bên có trách nhiệm giữ bí mật mọi thông tin được Bên kia cung cấp hoặc các thông tin khác liên quan đến hợp đồng và không tiết lộ bất cứ bên thứ ba nào nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Mỗi Bên chỉ sử dụng thông tin có được phục vụ các mục đích của hợp đồng.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 18. Yêu cầu khác

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh nội dung nằm ngoài quy định của hợp đồng thì hai Bên sẽ trao đổi để cùng nhau giải quyết trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Thông tin liên lạc

Để đảm bảo công tác phối hợp thực hiện hợp đồng đúng quy định, hai Bên thống nhất bộ phận quản lý hợp đồng và tiếp nhận, phản hồi mọi thông tin như sau:

Đại diện Bên A: Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Bệnh viện Than – Khoáng sản.

Đại diện Bên B:

Điều 20. Hiệu lực hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày

2. Khi hết hạn Hợp đồng, hai Bên tiến hành đối chiếu công nợ và Hợp đồng mặc nhiên được thanh lý sau khi hai Bên đã hoàn tất các nghĩa vụ hoặc khi hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên mời nhà cung cấp giữ 03 bộ, Nhà cung cấp giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ CUNG CẤP**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI NHÀ CUNG CẤP**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

WZ

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSMCC, HSDXCC và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá chào theo Mẫu số 02]



WB